

Trương Chi - My Nương

Truyện Trương Chi-My Nương, thông điệp nói lên nếp sống tự do duyên ái, lòng chung thủy trong tình yêu trai gái và nền tâm học dân tộc qua tư tưởng: Biến – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng

Ngày xưa có một cô gái rất xinh đẹp tên là My Nương. Nàng là con gái độc nhất của một vị quan. My Nương không được tiếp xúc với ai và chỉ ở quanh quẩn trong nhà, sống xa cách với thế giới bên ngoài.

Ngày ngày, My Nương thường ngồi trên lầu son nhìn theo bóng con thuyền nhỏ của Trương Chi lững lờ trôi trên sông với tiếng sáo du dương gợi cảm, gợi tình. Từ lầu cao, My Nương không nhìn thấy mặt người nghệ sĩ tài hoa nhưng nàng nghe rất rõ tiếng sáo quyến rũ, gợi tình.

Với trí tưởng tượng của người con gái dậy thì, My Nương đã thêu dệt nên hình ảnh người tình lý tưởng, hào hoa phong nhã của người nghệ sĩ.

Một ngày kia bỗng dưng con thuyền vắng bóng, My Nương không còn được nghe tiếng sáo êm ái gợi tình từ giòng sông vắng lên. Tự dưng nàng cảm thấy buồn và âm thầm thương nhớ hình bóng chàng nghệ sĩ tài hoa. Ngày qua ngày, nàng chỉ biết thương nhớ người tình không quen biết và chờ đợi trong vô vọng đến nỗi ngã bệnh.

Cha nàng vô cùng lo lắng trước bệnh tình ngày một thêm nặng của cô con gái độc nhất. Những lương y nổi tiếng trong vùng đều được vời đến nhưng chẳng ai tìm ra căn bệnh của nàng.

Rồi đến một buổi sáng kia, mọi người đều ngạc nhiên và vui mừng khi thấy nét mặt My Nương bỗng dưng tươi hẳn lên rồi nàng khoẻ mạnh lại dần. Thì ra con thuyền nhỏ đã trở lại trên dòng sông và tiếng sáo du dương của chàng đánh cá lại vang lên trong gió. Người tớ gái của nàng là người duy nhất biết được nguyên nhân và trình lên cho cha của My Nương biết. Ông liền cho người đi tìm người lái đò, đưa vào tư dinh để tiểu thư gặp mặt.

My Nương bỗng thấy lòng dửng dưng vì người lái đò có hình dáng và dung mạo quá xấu xí. Và nàng đành chôn chặt mối tình đầu xuống tận đáy lòng. Trái lại, chỉ vừa thoáng nhìn được My Nương, Trương Chi đã đắm đuối si mê, nhưng chàng biết đó là một mối tình tuyệt vọng nên chỉ biết buồn bã ra về.

Đón đau vì thương nhớ, hình hài Trương Chi mỗi ngày một thêm tiêu tụy cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng.

Mấy năm sau, gia đình Trương Chi bốc mộ chàng để đưa hài cốt đến chôn ở một nơi vĩnh viễn thì chỉ thấy trong quan tài có một khối đá tuyệt đẹp. Gia đình chàng mang khối đá về làm vật trang trí trên mũi thuyền.

Một ngày kia vị quan tình cờ nhìn thấy khối đá đẹp và trông có vẻ quý nên liền mua lấy rồi sai một người thợ tiện giỏi làm thành một tách trà rất đẹp. Mỗi khi rót trà vào chén thì dưới đáy tách hiện ra hình ảnh người lái đò nghệ sĩ năm xưa.

Khi biết được hiện tượng lạ lùng ấy, My Nương xin cha cho mình được thấy tách trà đó. Nàng rót trà vào tách thì hình ảnh người nghệ sĩ tài hoa, xấu xí nhưng rất chung tình hiện ra trong đáy chén. My Nương chợt nhớ lại mối tình xưa khiến nàng bật khóc và để rơi giọt lệ vào tách trà. Chén ngọc - kết tinh của một trái tim chung tình - liền tan ra thành nước, hòa với giọt lệ chân tình của My Nương.

I. Tình Yêu và Con Người

Có thể nói tình yêu nam nữ quyết định sự tồn vong của loài người. Một văn hào Pháp đã ví von: *Con người không có tình yêu cũng như quả đất không có mặt trời.* Tình yêu là nền tảng cần thiết cho việc sinh sôi nảy nở nòi giống, bảo tồn và phát triển giống sống của loài người. Nói cách khác, tình yêu là năng lực sinh hóa, nếu thiếu thì sẽ không còn loài người.

Người nam sẽ chẳng trọn vẹn nếu không có người nữ và ngược lại. Nam và nữ tuy khác nhau nhưng phải tìm đến nhau, kết hợp, chung sức, chung lòng, nương tựa lẫn nhau để tạo dựng nên mái ấm gia đình. Có gia đình mới có cha mẹ con cái, trên dưới, lễ nghĩa..v.v... Có gia đình mới có xóm làng, đất nước, dân tộc, nhân loại. Nếu thiếu tình yêu, con người không thể sống trọn vẹn là người. Tình yêu là quy luật tất yếu của thiên nhiên, khởi điểm từ bản năng thiên nhiên.

Lớn lên trong thiên nhiên, đâu đâu cũng có cặp, có đôi. Từ hoa cỏ, ong bướm đến loài vật và con người. Nội tâm và ngoại cảnh khiến cho cô gái, chàng trai tự thấu hiểu tầm quan trọng của tình yêu trai gái trong đời sống của họ. Lòng họ khao khát yêu đương, mơ màng ao ước một đối tượng yêu đương. Tình yêu đến với họ, họ không cần biết tại sao, không cần tra cứu tìm hiểu nguyên nhân. Họ chỉ biết chấp nhận những gì đến trong tâm hồn:

*Nhớ ai, ra ngân vào ngõ,
Đêm quên giấc ngủ, ngày mơ tiếng cười.*

Trai gái cảm thấy cô đơn nếu trong những giây phút nào đó không tìm thấy tình yêu:

*Qua cầu giờ nón trông cầu,
Cầu bao nhiêu nhịp, dạ sầu bấy nhiêu.*

Đối với họ, tình yêu trai gái trở thành thiết yếu trong cuộc sống, không thể không có. Chính họ thú nhận:

*Đêm nằm tàu chuối có đôi,
Hơn nằm màn chiếu lẻ loi một mình.*

Họ cảm thấy lòng tha thiết yêu đương. Họ cần tình yêu và phải sống trong yêu đương:

*Gái chưa chồng, trông mong đi chợ,
Trai chưa vợ, thơ thân ngoài đường.*

Không còn gì lãng mạn, hồn nhiên và tự do cho bằng khi họ có những ước ao:

*Ước gì anh hóa ra hoa,
Để em nâng lấy rồi mà cài khăn,
Ước gì anh hóa ra chăn,
Để cho em đắp, em lăn, em nằm,
Ước gì anh hóa ra gương,
Để cho em cứ ngày thường em soi,
Ước gì anh hóa ra coi,
Để cho em đựng cau tươi, trầu vàng.*

Tình yêu làm cho con người đích thực là người. Nói cách khác, có tình yêu thì đời sống của con người mới thực là sống trọn vẹn. Không có tình yêu, cuộc sống của con người sẽ trở thành vô nghĩa và coi như chấm dứt. Có thể nói tình yêu hồn nhiên và trong sáng là nguồn gốc phát sinh tình nghĩa vợ chồng, tình nghĩa cha con rồi được mở rộng ra tình đồng bào, tình nhân loại.

II. Tình Yêu Nam Nữ Trong Nền Minh Triết Việt - Luyến Ái Quan của Người Việt

Qua ca dao, tục ngữ, huyền thoại và nhất là những hình ảnh được vẽ, khắc trên các trống đồng của dân Việt, chúng ta có thể nói rằng *luyến ái quan của dân Việt thời xa xưa là tự do luyến ái, hôn nhân bình đẳng trong nếp sống gia đình phân công.*

Có nhiều người thắc mắc vì sao sau thời kỳ bị thống trị với chính sách đồng hóa thâm độc của Hán tộc ròng rã hơn một ngàn năm, ảnh hưởng của Nho giáo rất mạnh mà *dân Việt vẫn giữ được tâm hồn tự do yêu đương giữa trai gái?*

Trên thực tế, thuyết “nam nữ thọ thọ bất thân”, “con gái phải theo đo tam tông”, “tinh thần trọng nam khinh nữ” chỉ có ảnh hưởng đối với khoảng 5% dân số, đó là lớp người theo học chữ Hán và cam tâm sống theo khuôn phép của Nho giáo. Trong khi đó, lớp người bình dân, đi đa số là nông dân đâu thể sống trong cảnh “kín cổng, cao tường”, cô gái thôn dã đâu có sống trong thâm khuê, đài các như thiếu số các cô gái nho phong sống trên nhung lụa, suốt đời chỉ được ra ngoài công chúng một vài lần mà cũng phải có tỷ nữ theo hầu và canh chừng. Nàng Kiều, nàng Nguyệt Nga là điển hình cho những cô gái nho phong đó. Vì thế, vừa mới gặp Kim Trọng tại hội Đạp Thanh, nàng Kiều đã vội vàng “e lệ nép vào dưới hoa” mặc dù “tình trong như đã...”. Còn nàng Nguyệt Nga khi vừa định bước ra khỏi kiệu thì Vân Tiên đã vội vàng nói: “Khoan khoan ngồi đó chớ ra. Nàng là phận gái, ta là phận trai.” Nhưng đối với 95% người nông dân Việt, giáo lý Khổng-Minh không thể nào ràng buộc tình cảm họ được. Cảnh trai gái sánh vai làm chung một thửa ruộng, kẻ cày người bừa, kẻ nhổ cỏ người tát nước, bón phân, hằng ngày gặp nhau trong cùng thôn xóm, đầu làng cuối ngõ, đi lễ, hội hè đình đám. Môi trường sống hồn nhiên này đã tạo cho họ một không khí bình đẳng về

tình cảm. Trai cũng như gái đều có quyền tự do cởi mở tâm tình. Thấy một cô gái đang cắt cỏ trên bờ đê, chàng trai mở lời đùa giỡn mà không sợ ai khinh mình là mất lễ nghĩa:

*Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho anh cắt với, chung tình làm đôi,
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Cho tôi cắt với, làm đôi vợ chồng.*

Người con gái thôn dã cũng chẳng ngại ngùng vì chính lòng họ cũng chứa đựng tình cảm gái trai. Và đôi lúc họ cũng mượn miếng trầu trao duyên gửi chàng trai:

*Trầu này tèm tối hôm qua,
Dấu cha, dấu mẹ đem ra mời chàng,
Trầu này không phải trầu hàng,
Không bùa, không thuốc, sao chàng không ăn?
Hay chàng chê khó, chê khăn,
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu.*

Các cô thôn nữ cởi mở, tự do, mạnh dạn nói lên con tim đang ro rục khi tình xuân chớm nở:

*Đêm qua trời sáng trăng rằm,
Anh đi qua cửa, em nằm không yên,
Mê anh, chẳng phải mê tiên,
Thấy anh lịch sự, có duyên, dịu dàng,
Thấy anh, em những mơ màng,
Tuồng rằng đây đây phượng hoàng sinh đôi,
Thấy anh, chưa kịp ngỏ lời,
Ai ngờ anh đã vội dời gót loan,
Thiếp tôi ngỡ ngẩn canh tàn,
Chiêm bao như thấy có chàng ở bên,
Tỉnh ra, lẳng lặng hiển nhiên,
Tương tư bệnh phát liên miên cả ngày,
Ngờ rằng duyên nợ đó đây,
Xin chàng hãy lại chơi đây chút nào.*

Từ lúc nhận miếng trầu làm quen, tình cảm bắt đầu len vào tâm tư:

*Miếng trầu ăn nặng bằng chì,
Ăn rồi em biết lấy gì đền ơn.*

Rồi đến một ngày nào đó, lòng cô gái bỗng như cảm thấy:

*Từ ngày ăn phải miếng trầu,
Miệng ăn môi đỏ, dạ sâu đăm chiêu,
Phải chăng thuốc dẫu, bùa yêu?
Làm cho ăn phải nhiều điều xót xa!*

*Làm cho quên mẹ quên cha,
Làm cho quên cửa quên nhà,
Làm cho quên cả đường ra lối vào,
Làm cho quên cá dưới ao,
Quên sông tắm mát, quên sao trên trời.*

Người dân Âu Lạc hằng năm tổ chức hội mùa vào tháng Tám. Hội mùa là dịp trai gái gặp gỡ, hát đối đáp, giao duyên... Trai gái nếu ưng ý nhau thì sau đó lấy nhau, cưới xin giản dị. Quan niệm tự do luyến ái, hôn nhân bình đẳng và gia đình phân công được cha ông chúng ta huyền thoại hóa trong truyện Tiên Dung và Chử Đồng Tử: *“Vào đời vua Hùng Vương có nàng công chúa Tiên Dung, dầu đã đến tuổi cập kê nhưng chỉ thích dùng thuyền đi du ngoạn đó đây. Cũng vào thời ấy có chàng Chử Đồng ngày ngày sống lang thang bên bờ sông, nghèo đến nỗi không có một cái khổ che thân. Một hôm, Chử Đồng thấy thuyền của công chúa ghé vào bờ sông chàng đang ở nên sợ hãi vội vùi mình xuống cát. Không ngờ nơi đó lại là chỗ Tiên Dung quây màn để tắm. Khi nước làm trôi cát, Tiên Dung phát giác ra Chử Đồng đang úp mặt xuống cát. Sau đó, hai người kết duyên với nhau.”*

Thật tài tình! Tài tình ở chỗ chỉ dùng một hình ảnh cụ thể, đơn giản mà nói lên được đầy đủ và trọn vẹn về quan niệm tình yêu trai gái của dân Việt. Nàng và chàng tìm nhau, gặp nhau bên bờ sông, ưng ý nhau rồi kết duyên với nhau. Họ không bị bất cứ một hình thức vật chất hay tinh thần nào ràng buộc. Còn gì tự do bằng!

Có lẽ không có hình ảnh nào minh họa được sự bình đẳng tốt cùng như hình ảnh một công chúa xinh đẹp, được nuông chiều như Tiên Dung lại kết duyên với một chàng trai mồ côi, cùng khổ. Chử Đồng không có gì cả: không cha, không mẹ, không anh em họ hàng, không bạn bè lối xóm, không cửa không nhà và cả cái khổ cũng không, sống vất vưởng bên bờ sông vắng.

Khi quây màn để tắm, nước làm trôi cát, Tiên Dung phát giác ra Chử Đồng và nước cũng làm trôi sạch phấn son trên gương mặt nàng. ở giây phút chỉ có hai người trong màn tắm, cách biệt hẳn với đoàn tùy tùng chung quanh, không còn phân biệt giàu sang, chức tước, hai người không còn bị phân cách bởi ngoại vật, bởi áo quần, bởi cát bùn hay son phấn, không còn bị bất cứ thứ gì làm sai lệch hình ảnh của chính mình. Hai người chỉ còn thấy có con người. Hai người đã gặp nhau trong bình đẳng, không chút cách biệt. *Đây chính là hình ảnh về quan niệm tự do luyến ái, hôn nhân bình đẳng của nền minh triết Việt.* Khi tương giao, khi đối xử với nhau như Tiên Dung và Chử Đồng, họ đã không để bất cứ ngoại vật, hoàn cảnh hay tâm trạng nào chi phối mà chỉ nhìn vào con người đơn thuần:

*Khác nhau tắm áo manh quần,
Thả ra bóc trần, ai cũng như ai.*

Trong những truyện cổ Trung Hoa, Ấn Độ hay Tây Phương, nếu có truyện hoàng tử hoặc công chúa kết duyên với người bình dân thì người bình dân đó phải là một cô gái tuyệt đẹp hay chàng trai phải khôi ngô, tài ba xuất chúng. Và câu chuyện thường được kết thúc bằng việc người bình dân trở thành vua chúa hoặc hoàng hậu, tận hưởng giàu sang quyền thế của người yêu.

Nhưng cuộc tình duyên trong văn hóa Việt thì công chúa cành vàng lá ngọc lại chọn cuộc sống đi chúng, cùng chồng xây dựng xóm làng, cùng chung sống với người dân.

Cuộc tình duyên của My Nương-Trương Chi cũng phản ánh nếp sống tự do luyện ái của người bình dân Việt mà đi đa số là nông dân thời bấy giờ. Đây là thiên tình sử tự do, đầy lãng mạn nhưng thủy chung, khác hẳn quan niệm khát khe, gò bó về tình yêu của Khổng-Mạnh.

Tiếng sáo Trương Chi réo rắt, trầm buồn, huyền ảo là tiếng nói cô đơn, lẻ loi của người con trai với cõi lòng thiếu vắng. Tình yêu đối với chàng trở nên thiết yếu, không có không được. Muốn gặp người tình lý tưởng thì trước hết chính mình phải đi tìm. Chàng dùng tiếng sáo để giao duyên, tìm người tâm đầu ý hợp.

Tiếng sáo du dương chính là tiếng gọi của tình yêu, ngày đêm văng vẳng trên sông nước đã làm cho My Nương ngã bệnh tương tư, luôn nhớ đến người tình hào hoa phong nhã do nàng theo dệt qua tiếng sáo phiêu du.

Thế nhưng, khi Trương Chi được mời vào nhà thì dáng dấp xấu xí của người lại dò, người yêu bằng xương bằng thịt của My Nương đã làm nàng bưng bình tinh trước một thực tế không ứng hợp với người tình do nàng theo dệt. My Nương hoàn toàn tự do. Chính nàng mong gặp mặt người nghệ sĩ tài hoa. Khi được toi nguyện thì cũng chính nàng quyết định từ chối mối tình do nàng theo dệt và ôm ấp từ lâu.

III. Lòng Chung Thủy của Trai Gái Trong Nền Văn Hóa Việt

Môi trường sống trong nền văn hóa nông nghiệp khiến cho trai gái thường xuyên có dịp gặp gỡ trong lao động, trên đồng ruộng, ở vườn cây, bên bờ sông, ao cá... Khi giải trí, lúc vui đùa, hội hè đình đám..., họ có điều kiện thuận lợi tìm hiểu tình cảm, lựa chọn người yêu và còn có thể gợi gắm tâm tư mình với người yêu qua lời hát, câu hò trước khi thành vợ chồng. Không có hình thức vật chất hay tinh thần nào ràng buộc họ:

*Thương nhau, cởi áo cho nhau,
Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay!*

Nói chung, người bình dân Việt không có tư tưởng lãng mạn quá trớn. Ái tình lãng mạn là ái tình đòi hỏi những lạc thú riêng tư của cá nhân, chỉ biết có cá nhân mà không cần biết đến tập thể, chỉ biết đi tìm cỠi thích chơi vui của thể xỠc và tự do hưởng thụ theo bản năng.

Trái lại, người nông dân Việt thời xưa, tuy môi trường sống khiến cho trai gái có nếp sống tự do luyện ái nhưng lúc nào họ cũng đưa tình yêu của mình đến chỗ thủy chung. Và tình yêu chung thủy thì không bao giờ có thể là tình yêu lãng mạn được:

*Đường dài ngựa chy biệt tăm,
Người thương có nghĩa trăm năm cũng chờ.*

Tuy bản năng thiên nhiên luôn thúc dục đưa tình yêu của họ đến chỗ thắm thiết, đắm đuối, trai gái không đắm chìm trong thú vui vật chất mà bỏ quên tình nghĩa. Bởi thế, khi yêu nhau, họ thề nguyện:

*Đôi ta đã trót lời thề,
Con dao lá trúc đã kề tóc mai,
Dặn rằng: Ai chớ quên ai!*

hoặc:

*Đôi ta như cây giữa rừng,
Gió rung chẳng chuyển, gió lay chẳng rời.*

Vì tình yêu gắn bó với nghĩa nhân nên trai gái thường xem nhẹ tiền bạc, danh lợi. Đôi khi họ còn xem nhẹ cả đời sống mình để bảo vệ sự thủy chung:

*Thương nhau bất luận giàu nghèo,
Dù cho lên ai, xuống đèo cũng cam.*

Dù trắc trở đến đâu họ vẫn chờ:

*Hai tay cầm bốn ống tơ,
Dù năm bảy mối cũng chờ mối anh.*

hay:

*Dầu cho đá nát, vàng phai,
Trăm năm duyên nợ chẳng sai chút nào.*

Lòng chung thủy đó còn được các huyền thoại Việt minh họa một cách sống động dưới nhiều dạng khác nhau, với óc tưởng tượng vô cùng phong phú và cách diễn đạt thần diệu vượt không gian lẫn thời gian. *My Châu tin chồng, thủy chung đến độ nhẹ dạ trao cả nước non cho giặc. Nhưng ở góc độ tình yêu, nét đẹp của truyện My Châu-Trọng Thủy là ở mối tình chung thủy của cả đôi bên. Sau khi chôn xác vợ xong, Trọng Thủy gieo mình tự tử ở giếng Loa Thành để trọn tình nghĩa vợ chồng.*

Trong truyện My Nương-Trương Chi, dù không được người mình yêu đáp tình, Trương Chi vẫn một lòng chung thủy với mối tình tuyệt vọng, sinh lực hao mòn cho đến chết. Thân xác người nghệ sĩ si tình dù không còn nữa nhưng tình yêu và lòng chung thủy của chàng vẫn tồn tại ở một dạng khác: tim chàng không tan rã thành cát bụi mà trở thành khối ngọc trong ngòi, sáng đẹp. Khối ngọc này lại được gọt dũa thành chén ngọc để mỗi khi rót trà vào chén, hình bóng Trương Chi chèo đò lại hiện ra cùng tiếng sáo trầm buồn văng vẳng. Như vậy, dù thân xác đã tan rã nhưng tình yêu của chàng vẫn sống mãi và kết tinh thành viên ngọc quý. Chung thủy đến thế là cùng! Quả thật óc tưởng tượng và cách diễn đạt của tổ tiên Việt đã đến mức thần diệu!

IV. Quan Niệm Siêu Việt về Tình Yêu của Dân Tộc Việt

Có thể nói tiên nhân Việt đã minh họa tư tưởng chuyển hóa, thăng hoa và hòa đồng trong nền minh triết Việt một cách sững to và thực tế. Tiếng sáo Trương Chi ngày đêm văng vẳng trên sóng nước, giữa trời trăng mây gió. Tình yêu của My Nương khởi thủy phứt

sinh từ tiếng sáo du dương. Thật cao đẹp! Nhưng rồi với trí tưởng tượng của người con gái dậy thì, My Nương đã thêu dệt hình ảnh người tình lý tưởng qua tiếng sáo, say mê trong tiếng sáo du dương mà hình dung ra chàng nghệ sĩ hào hoa phong nhã. Đến khi Trương Chi được cha mẹ nàng mời vào nhà thì dáng dấp xấu xí của người lái đò khiến My Nương bàng hoàng tỉnh mộng, to nên sự mâu thuẫn trong tâm hồn nàng. Mâu thuẫn giữa mơ mộng và thực tế, mâu thuẫn giữa người tình lý tưởng mà nàng đã thêu dệt qua tiếng sáo tuyệt vời và diện mạo xấu xí của người nghệ sĩ tài hoa, mâu thuẫn giữa lý tưởng và hiện thực. Vì quá bất ngờ trước thực tế nên My Nương chỉ thấy giả tướng, dáng dấp xấu xí của Trương Chi, mà không nhìn ra chân tướng, chân tình trong sáng của người lái đò. Không hóa giải được những mâu thuẫn nội tại đó, My Nương đành chôn chặt mối tình đầu sâu kín trong lòng.

Nếu câu chuyện kết thúc ở chỗ My Nương chôn sâu mối tình đầu trong lòng và Trương Chi chết trong mối tình tuyệt vọng thì không có gì thi vị, hấp dẫn và cũng không diễn đạt được tinh hoa của tư tưởng Việt.

Hầu hết các huyền thoại Việt đều minh họa lý đối lập thống nhất trong vũ trụ vạn vật. Các huyền thoại thường nêu lên những yếu tố đối lập, mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa tình yêu và đất nước, giữa cá nhân và tập thể, giữa danh lợi và tình nghĩa, giữa lý tưởng và thực tế... và tìm cách giải quyết mâu thuẫn bằng cách chấp nhận dị biệt, tương nhượng hay tự hy sinh để chuyển hóa, vươn lên hài hòa để đi đến hòa đồng, trường cửu, vượt không gian lẫn thời gian.

Trong truyện Trương Chi-My Nương, người lái đò chung tình chết (biến) nhưng tình yêu của chàng vẫn tồn tại, trái tim chàng không tan rã mà “hóa” thành viên ngọc quý. Viên ngọc này lại được gọt dũa thành chén trà. Mỗi khi rót nước trà vào chén, hình bóng Trương Chi chèo đò lại hiện lên và tiếng sáo ngày xưa lại văng vẳng.

My Nương, dù muốn chôn chặt mối tình đầu trong lòng nhưng kỷ niệm xưa vẫn còn đó. Trong những lúc ngắm cảnh, thưởng trà, tiếng sáo của người lái đò chung tình vẫn vang lên văng vẳng trong tâm hồn nàng. Trước kia, nàng chỉ biết có người tình lý tưởng do nàng tưởng tượng. Nàng chỉ thấy giả tướng của mối chân tình. Giờ đây, khi người lái đò đã chết vì tương tư, nàng mới nhận ra được mối tình chung thủy của chàng. Nàng thực sự xúc động và đã không cầm được nước mắt. Khi giọt nước mắt chân tình chạm vào trái tim ngọc thủy chung thì chén ngọc vỡ tan hòa với giọt nước mắt. Đây chính là giây phút hai tâm hồn hòa hợp với nhau. Ngay thời điểm hài hòa đó, trái tim ngọc của người nghệ sĩ tài hoa vụn tan biến và hóa thành nước để kịp thời hòa lẫn vào giọt nước mắt chân tình của người mình yêu. Sự hòa đồng được thể hiện ở chỗ khi giọt nước mắt chân tình rơi vào chén ngọc thì chén ngọc tan ra thành nước để hòa cùng giọt nước mắt thành một khối vẹn toàn.

Trong truyện Thần Kim Quy, My Châu chết và Trọng Thủy cũng tự tử theo. Sự hòa đồng ở đây được thể hiện ở chỗ những con trai sống tại biên Nam Hải ăn phải những giọt máu của My Châu mà tạo ra ngọc và ngọc đó khi đem về rửa ở nước giếng Loa Thành thì sáng đẹp vô ngần.

Truyện Trầu Cau kể rằng ngày xưa có hai anh em sinh đôi giống nhau như đúc và thân yêu nhau đến độ chẳng chịu rời nhau bao giờ. Sau đó, người anh tên Tân cưới

vợ là Lưu Xuân Phù. Người em tên Lang tuy đã trưởng thành nhưng chưa muốn lập gia đình để không phải rời xa anh chị.

Một hôm, hai anh em rủ nhau đi săn, Lang mệt nên trở về nhà trước. Nàng Lưu tưởng lầm chồng về, chạy ra âu yếm thăm hỏi. Sự chuyện này gây hiểu lầm và hại cho gia đình anh, Lang bỏ nhà ra đi. Đi mãi cho đến một bờ sông lớn, không sao vượt qua được nên phải nằm soài ra để nghỉ ngơi. Mệt mỏi, đói là cho đến chết (biến) rồi “hóa” thành hòn đá vôi thật to.

Người anh sau khi hiểu chuyện, đuổi theo tìm em cho trọn tình nghĩa ruột thịt, cũng đến bờ sông đó thì quá mệt và không vượt qua được sông nên cũng nằm lăn ra, đói là rồi chết (biến) và “hóa” thành cây cau cao vút.

Nàng Lưu ở nhà mong ngóng tin chồng, chờ tin chồng từng giây từng phút mà sao vẫn biền biệt. Nàng quyết định ra đi tìm chồng rồi cũng đến bờ sông nọ thì quá mỏi mệt và đói là đến chết (biến), “hóa” thành giây trầu quấn quanh thân cau.

Câu chuyện minh họa mọi yếu tố mâu thuẫn đều đi đến chỗ tự hy sinh (biến) rồi “hóa” (thành đá, trầu, cau) để đi đến hòa hợp. Tình vợ chồng hòa hợp với hình ảnh giây trầu quấn quanh thân cau. Tình anh em, tình vợ chồng, tình chị dâu em chồng hòa hợp ở hình ảnh cạnh hòn đá vôi mọc lên cây cau với giây trầu quấn quanh. Sự hòa hợp đó càng khăng khít hơn khi vôi, trầu, cau cùng hòa đồng trong màu đỏ thắm thơm ngon của miếng trầu.

Truyện cổ Tây Phương có mối tình chung thủy, bi thảm và đầy nước mắt giữa Romeo và Juliet mới 13 tuổi: *“Cha mẹ của Juliet ép buộc nàng phải kết hôn với một người quyền quý, giàu có. Cuộc tình duyên trắc trở đó đưa đến chỗ cả Juliet và Romeo đều tự tử cho trọn tình nghĩa. Câu chuyện chấm dứt một cách đau thương, kết thúc bằng cái chết của đôi tình nhân. Romeo uống thuốc độc, Juliet dùng dao găm của Romeo để kết liễu đời mình...”* Một mối tình phát sinh từ nền văn hóa gốc du mục nên đầy máu, thuốc độc, dao găm... Và mối tình “sét đánh” này – chỉ mới gặp nhau trong một buổi dạ vũ – thường phát sinh từ bản năng dục tính.

Trung Hoa cũng có mối tình chung thủy, diễm lệ không kém: *“Chúc Anh Đài giả trai đến nhà thầy để cùng học hành với các bạn trai khác. Tại đó, nàng gặp Lương Sơn Bá rồi hai người yêu thương nhau say đắm. Một mối tình cao đẹp phát xuất từ tình bạn. Thế nhưng cha mẹ nàng ngăn cấm mối tình này vì gia đình chàng quá nghèo khó. Cha mẹ Chúc Anh Đài ép buộc nàng phải kết hôn với một người giàu có, danh vọng. Lương Sơn Bá nhớ nhưng đến sinh bệnh rồi chết vì tương tư. Cuối cùng, nàng phải vâng lời cha mẹ với điều kiện xe hoa sẽ phải ngừng trước mộ Lương Sơn Bá. Khi ấy, trong lúc tưởng nhớ người yêu, mây đen tự dưng vùn vụt mịt trời, sấm sét đánh vỡ ngôi mộ của người tình chung thủy. Chúc Anh Đài nhảy xuống mộ, cả hai hóa thành đôi bướm bay lên bầu trời cao rộng mênh mông.”* [Tu tưởng biến (chết), hóa (thành bướm), hòa hợp (thành đôi bướm bay lên) là tư tưởng thâm hóa từ tinh hoa của nền văn hóa nông nghiệp.]

Qua hai câu chuyện kể trên, tình yêu trong văn hóa Tây phương không có sự chuyển hóa: chết là chấm dứt. Trong văn hóa của Hán tộc, tình yêu có biến hóa (thành bướm) để hòa

hợp (đôi bướm) nhưng chưa đến chỗ hòa đồng (*như chén ngọc vỡ tan thành nước hòa cùng giọt nước mắt, trầu-cau-vôi biến thành nước hòa lẫn nhau trong màu đỏ thắm, ngọc trai ở biển Nam Hải, do máu của My Châu tạo thành, sẽ tươi sáng hơn khi được rửa bằng nước giếng tâm xác Trọng Thủy.*)

Tóm lại, các truyện My Châu-Trọng Thủy, Trầu Cau, My Nương-Trương Chi đều minh họa tình yêu chuyên hóa, vươn cao, siêu việt đến chỗ hòa đồng vĩnh cửu, vượt thời gian lẫn không gian để *điễn đạt tư tưởng biến, hóa và thăng hoa đến mức hòa đồng: hòa cùng vũ trụ.*

Phải chăng vì chúng ta đã quá quen thuộc với các huyền thoại, truyền thuyết, truyện cổ của dân tộc ngay từ ngày thơ ấu, từ lúc còn ngồi trong lòng bà hoặc mẹ nên chúng ta không chú ý đến cái hay, nét đẹp của câu chuyện? Có thể nói ***đó chính là những viên ngọc quý trong kho tàng văn hóa nhân bản của loài người.***

Qua ba truyện My Châu-Trọng Thủy, Trương Chi-My Nương và Trầu Cau, truyện nào cũng minh họa quan niệm siêu việt về tình yêu và dùng tình yêu để chuyên chở tư tưởng biến (chết), vươn lên khỏi sự chết (hóa), rồi thăng hoa (như Tiên-Rồng); thăng hoa mãi đến mức hòa đồng: ***hòa cùng vũ trụ.***

Tóm lại, quan niệm siêu việt về tình yêu trong ba câu chuyện kể trên đã điễn đạt khía cạnh đặc trưng, ưu việt của nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước - văn hóa nhân bản - qua lăng kính nhân chủ, dân chủ, với nếp sống hài hòa lấy tình nghĩa làm đầu, hòa mục trong xóm làng đến sự thái hòa của đất nước. Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa theo chiều kích tâm linh (phát triển tình thương và trí tuệ) với định hướng của nền tâm học dân tộc.

Vĩnh Như
Tủ Sách Việt Thương
www.tusachvietthuong.org